

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **404/2023/HNGĐ-ST**;

Ngày: 11/8/2023.

V/v *tranh chấp* “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Anh Chiến;
- Ông Nguyễn Văn Vẹn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 203/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Thùy T1, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ấp LT, xã LA huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T2, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp ĐP, xã TB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

(Chị T1 có đơn đề nghị vắng mặt, anh T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Thùy T1 trình bày:*

Chị và anh Trần Văn T2 tự nguyện cưới nhau và sống chung từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang vào ngày 25/11/2020. Anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mạnh ai người nấy sống, thường xuyên cãi vã, không quan tâm đến nhau. Anh chị đã

nhiều lần hàn gắn nhưng không được nên đã không còn sống chung từ tháng 12/2022. Nay không còn tình cảm nên chị xin được ly hôn với anh T2.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Trần Võ Quỳnh A, sinh ngày 11/9/2021 hiện đang sống với chị T1. Khi ly hôn chị xin được quyền nuôi con, yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Văn T2 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, trừ bị đơn không chấp hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Về nội dung, yêu cầu của chị Võ Thị Thùy T1 về việc xin ly hôn và nuôi con chung là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Võ Thị Thùy T1 yêu cầu ly hôn với anh Trần văn T2 nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T2 cư trú tại ấp ĐP, xã TB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị T1 có đơn đề nghị vắng mặt ngày 11/8/2023, bị đơn anh T2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T1 và anh T2.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Thùy T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Chị T1 và anh T2 cưới nhau năm 2020, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T1 xin ly hôn với anh T2 với lý do bất đồng quan điểm sống, mạnh ai người nấy sống, thường xuyên cãi vã, không quan tâm đến nhau. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được nên

anh chị không còn sống chung từ cuối tháng 12/2022 đến nay. Tòa án đã triệu tập anh T2 nhiều lần để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng anh T2 vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T1, cho thấy anh T2 không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa hai người. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 và anh T2 đã trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị T1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Xét yêu cầu của chị T1 về việc được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Trần Võ Quỳnh A, sinh ngày 11/9/2021 là có cơ sở, bởi lẽ cháu Quỳnh A còn nhỏ (23 tháng tuổi), đang sống với chị T1 đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt. Phía anh T2 không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T1, quyết định giao cháu Quỳnh A cho chị T1 nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi cháu Quỳnh A mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh T2 không có văn bản trình bày ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con và vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với nhu cầu thực tế và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 khai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh T2 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 22, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Thùy T1.

Về hôn nhân: Chị Võ Thị Thùy T1 được ly hôn với anh Trần Văn T2.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Trần Võ Quỳnh A, sinh ngày 11/9/2021 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi.

Anh T2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Võ Quỳnh A mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T2 chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Chị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0025862 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên xem như chị T1 đã nộp xong.

Anh T2 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thủy Uyên

